

Bản án số: 10/2025/HSST
Ngày 18/9/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Văn Điền

2. Ông Nguyễn Viết Tác

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Khuyến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Hữu và ông Nông Triệu Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 09 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 09 năm 2025 đối với bị cáo:

ĐÀO QUANG TR (tên gọi khác không); Sinh ngày 10/06/1977 tại Bắc Kạn; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã Y, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 04/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đào Như T và bà Ngô Thị T1 (đều đã chết); Vợ: Chu Thị N; Con: Có 02 con (Con lớn sinh năm 1998, Con nhỏ sinh năm 2004); Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo Đào Quang Tr hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Ông Đàm Văn H, sinh năm 1990 – Vắng mặt tại phiên tòa có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Đào Duy L, sinh năm 1969 – Vắng mặt tại phiên tòa có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Bà Trịnh Thị M, sinh năm 1995 – Vắng mặt tại phiên tòa có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Ông Lâm Quốc K, sinh năm 1979 – Vắng mặt tại phiên tòa có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1995 – Có mặt tại phiên tòa

6. Bà Lê Thị T3, sinh năm 1976 – Có mặt tại phiên tòa

7. Ông Phạm Văn T4, sinh năm 1983 – Vắng mặt tại phiên tòa có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt).

8. Ông Nông Văn T5, sinh năm 1987 – Vắng mặt tại phiên tòa có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt).

9. Ông Trần Văn T6, sinh năm 1998 (vắng mặt) - Người ủy quyền tham gia phiên tòa là bà Lại Thị T7, sinh năm 1962 – Có mặt tại phiên tòa

10. Ông Nguyễn Đức H1, sinh năm 1974 – Vắng mặt tại phiên tòa có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt).

11. Ông Nguyễn Đức L1, sinh năm 1969 – Vắng mặt tại phiên tòa có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt).

12. Bà Lục Thị L2, sinh năm 1977 – Vắng mặt tại phiên tòa có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt).

13. Bà Hoàng Thị T8, sinh năm 1976 – Có mặt tại phiên tòa

14. Ông Nguyễn Duy V, sinh năm 1966 – Có mặt tại phiên tòa

15. Ông Chạc Quảng C1, sinh năm 1987 – Có mặt tại phiên tòa

16. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1968 – Vắng mặt tại phiên tòa có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt).

17. Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1973 – Có mặt tại phiên tòa

18. Bà Đàm Thị S, sinh năm 1975 – Có mặt tại phiên tòa

19. Bà Hà Thị L3, sinh năm 1959 – Có mặt tại phiên tòa

20. Bà Lê Thị P1, sinh năm 1964 – Có mặt tại phiên tòa

21. Bà Ma Thị Ngọc H3, sinh năm 1983 – Vắng mặt tại phiên tòa có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt).

22. Bà Trung Thị Q, sinh năm 1963 – Có mặt tại phiên tòa;

23. Bà Trần Thị Q1, sinh năm 1993 – Vắng mặt tại phiên tòa có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn H, xã Y, tỉnh Thái Nguyên (Thôn H, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cũ).

24. Bà Trần Thị N1, sinh năm 1954 – Vắng mặt tại phiên tòa có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Tổ A, phường P, tỉnh Thái Nguyên (Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên cũ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tố tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/02/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiếp nhận tin báo về tội phạm của ông Nguyễn Đức B, sinh năm 1977, trú tại thôn H, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn – là thành viên Tổ ANTT thôn H, xã B, nguồn tin do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiếp nhận chuyển đến với nội dung: Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 17/02/2025 ông Nguyễn Đức B phát hiện nhiều ngôi mộ tại khu nghĩa địa thuộc thôn H, xã B, huyện C bị đập phá. Sau khi tiếp nhận tin báo, ngày 18/02/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C phối hợp với Công an xã B đến hiện trường nơi xảy ra vụ việc bảo vệ hiện trường, thu thập thông tin, tài liệu, ghi lời khai những người có liên quan, phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn tiến hành khám nghiệm hiện trường. Kết quả khám nghiệm xác định có 40 (bốn mươi) ngôi mộ bị đập phá. Cụ thể:

Các phần mộ: Gia đình bà Đàm Thị S, sinh năm 1975, trú tại thôn H, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Nay là thôn H, xã Y, tỉnh Thái Nguyên) bị đập phá, xâm phạm 01 (một) ngôi mộ của chồng bà là phần mộ Ông Trần Văn H4, sinh năm 1973, chết năm 2022; gia đình ông Đàm Văn H, sinh năm 1990, trú tại thôn H, xã B bị đập phá, xâm phạm 02 (hai) ngôi mộ gồm: phần mộ ông Đàm Văn H5, sinh năm 1924, chết năm 1994; phần mộ ông Đàm Văn H6, sinh năm 1982, chết năm 1996; gia đình ông Đào Duy L, sinh năm 1969, trú tại thôn H, xã B bị đập phá xâm phạm 02 (hai) ngôi mộ gồm: phần mộ ông Đào Như T, sinh năm 1947, chết năm 1996; phần mộ ông Đào Văn T9, sinh năm 1968, chết năm 2002; gia đình bà Trịnh Thị M, sinh năm 1995, trú tại thôn H, xã B bị đập phá, xâm phạm 01 ngôi mộ của mẹ ruột là bà Đào Thị T10, sinh năm 1975, chết năm 2018; gia đình bà Hà Thị L3, sinh năm 1959, trú tại thôn H, xã B bị đập phá, xâm phạm 01 (một) ngôi mộ của ông Lê Mạnh H7, sinh năm 1958, chết năm 2018; gia đình ông Lâm Quốc K, sinh năm 1976, trú tại thôn H, xã B bị đập phá, xâm phạm 01 (một) ngôi mộ của ông Vòng Mã Lai X, không xác định được năm sinh, năm chết; gia đình bà Hoàng Thị C, sinh năm 1993, trú tại thôn H, xã B bị đập phá, xâm phạm 01 (một) ngôi mộ của ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1964, chết năm 2015; gia đình bà Lê Thị P1, sinh năm 1964, trú tại thôn H, xã B bị đập phá, xâm phạm 02 (hai) ngôi mộ gồm: phần mộ ông Hoàng Văn S1, sinh năm 1907, chết năm 2007; phần mộ bà Trần Thị C3, sinh năm 1917, chết năm 2010; gia đình bà Lê Thị T3, sinh năm 1976, trú tại thôn H, xã B bị đập phá, xâm phạm 01 (một) ngôi mộ của ông S2 Pẩu D1, sinh năm 1926, chết năm 1998; gia đình bà Ma Thị Ngọc H3, sinh năm 1983, trú tại thôn H, xã B bị đập phá, xâm phạm 01 (một) ngôi mộ của ông Phạm Văn T11, sinh năm 1945, chết năm 2017; gia đình ông Phạm Văn T4, sinh năm 1983, trú tại thôn H, xã B bị đập phá, xâm phạm 02 (hai) ngôi mộ gồm: phần mộ ông Phạm Văn H8, sinh năm 1939, chết năm 2012; phần mộ bà Hà Thị D2, sinh năm 1947, chết năm 2021; gia đình ông Nông Văn T5, sinh năm 1978, trú tại thôn H, xã B bị đập phá, xâm phạm 02 (hai) ngôi mộ gồm: phần mộ ông Nông Văn N2, sinh năm 1958, chết năm 2020; phần mộ bà Đàm Thị T12, sinh năm 1959,

chết năm 1998; gia đình bà Trung Thị Q, sinh năm 1963, trú tại thôn H, xã B bị đập phá, xâm phạm 01 (một) ngôi mộ của chồng bà là phần mộ ông Hoàng Văn S3, sinh năm 1959, chết năm 2023; gia đình bà Trần Thị Q1, sinh năm 1993, trú tại thôn H, xã B bị đập phá, xâm phạm 01 (một) ngôi mộ của bà Vòng Kiu L4, sinh năm 1917, chết năm 2009; gia đình ông Trần Văn T6, sinh năm 1998, trú tại thôn H, xã B bị đập phá, xâm phạm 02 (hai) ngôi mộ gồm: phần mộ ông Trần Văn D3, sinh năm 1963, chết năm 2007; phần mộ bà Hoàng Thị P2, không xác định được năm sinh, năm chết; gia đình ông Nguyễn Đức H1, sinh năm 1974, trú tại thôn H, xã B bị đập phá, xâm phạm 02 (hai) ngôi mộ gồm: phần mộ ông Nguyễn Chí B1, sinh năm 1937, chết năm 2022; phần mộ bà Nguyễn Thị T13, sinh năm 1942, chết năm 2020; gia đình ông Nguyễn Đức L1, sinh năm 1969, trú tại thôn H, xã B bị đập phá, xâm phạm 02 (hai) ngôi mộ gồm: phần mộ ông Nguyễn Ngọc C4, sinh năm 1937, chết năm 2018; phần mộ bà Lưu Thị T14, sinh năm 1947, chết năm 2021; gia đình bà Lục Thị L2, sinh năm 1977, trú tại thôn H, xã B bị đập phá, xâm phạm 01 ngôi mộ của ông Lục Mẫn S4, sinh năm 1931, chết năm 2009; gia đình bà Hoàng Thị T8, sinh năm 1976, trú tại thôn H, xã B bị đập phá, xâm phạm 02 (hai) ngôi mộ gồm: phần mộ ông Hoàng Văn T15, sinh năm 1944, chết năm 2018; phần mộ ông Hoàng Văn T16, sinh năm 1974, chết năm 2011; gia đình ông Nguyễn Duy V, sinh năm 1966, trú tại thôn H, xã B bị đập phá, xâm phạm 04 (bốn) ngôi mộ gồm: phần mộ bà Nguyễn Thị S5, sinh năm 1947, chết năm 2015; phần mộ ông Lục Mẫn N3, sinh năm 1937, chết năm 1998; phần mộ ông Lục Đức T17, sinh năm 1885, chết năm 1947; phần mộ bà Hà Thị H9, sinh năm 1896, chết năm 1973; gia đình ông Chạc Quảng C1, sinh năm 1987, trú tại thôn H, xã B bị đập phá, xâm phạm 02 (hai) ngôi mộ gồm: phần mộ ông Trạc Mã S6, sinh năm 1943, chết năm 1992; phần mộ bà Triệu Thị S7, không xác định được năm sinh, năm chết; gia đình bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1968, trú tại thôn H, xã B bị đập phá, xâm phạm 04 (bốn) ngôi mộ gồm: phần mộ ông Dương Đức N4, sinh năm 1975, chết năm 2005; phần mộ bà Nguyễn Thị C5, sinh năm 1936, chết năm 2017; phần mộ ông Dương Văn G, không xác định được năm sinh, chết năm 1990; ngôi mộ không xác định được danh tính; gia đình bà Trần Thị N1, sinh năm 1954, trú tại Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên có 02 (hai) ngôi mộ bị đập phá, xâm phạm gồm: phần mộ ông Nguyễn Văn T18, không xác định được năm sinh, chết năm 1969; phần mộ ông Nguyễn Văn K1, không xác định được năm sinh, chết năm 1947. Các ngôi mộ trên đều nằm rải rác ở các khu nghĩa địa thuộc thôn H, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn H, xã Y, tỉnh Thái Nguyên).

Qua xác minh ban đầu xác định được, đối tượng Tr, sinh năm 1977, trú tại thôn H, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn là người thực hiện hành vi đập phá các ngôi mộ trên.

Xét thấy vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện chợ Đ, tuy nhiên tại thời điểm xảy ra tội phạm Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C chưa có Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã chuyển toàn bộ hồ sơ, tài liệu

đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập được, thấy đủ căn cứ xác định hành vi dùng búa và dao đập phá các ngôi mộ trên của Tr có dấu hiệu của tội “Xâm phạm mồ mả”. Ngày 21/02/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 16/QĐ-CSHS về tội “Xâm phạm mồ mả” theo quy định tại khoản 1 Điều 319 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra xác định hành vi dùng búa, dao đập phá nhiều ngôi mộ của nhiều hộ dân tại thôn H, xã B, huyện C vào ngày 15 và 16/02/2025 của Đào Quang Tr khiến nhiều gia đình tại thôn H, xã B và nhiều gia đình có liên quan đến các ngôi mộ bị Tr xâm phạm, bức xúc, hoang mang, lo sợ, tác động đến tâm lý của số đông người trong phạm vi rộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó hành vi phạm tội của Đào Quang Tr đủ yếu tố cấu thành tội “Xâm phạm mồ mả” nên ngày 20/3/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ra quyết định khởi tố bị can đối với Đào Quang Tr về tội “Xâm phạm mồ mả” quy định tại khoản 2 Điều 319 Bộ luật Hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Đào Quang Tr đã được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn phê chuẩn.

Ngày 27/3/2025 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B tiến hành dẫn giải bị can Đào Quang T2 đến hiện trường vụ việc để xác định lại các ngôi mộ mà Tr đã xâm phạm. Trong quá trình xác định tại hiện trường, Đào Quang Tr chỉ thừa nhận được xâm phạm 29 (hai mươi chín) trên tổng số 40 (bốn mươi) ngôi mộ mà Cơ quan CSĐT Công an huyện C khám nghiệm ban đầu. Ngoài ra Đào Quang Tr tự thừa nhận được chửi bới, dùng tay làm đổ bát hương và đập phá, xâm phạm thêm 04 (bốn) ngôi mộ, cụ thể: gia đình bà Lê Thị T3, sinh năm 1976, trú tại thôn H, xã B 03 (ba) ngôi mộ gồm: phần mộ ông Lê Mạnh G1, sinh năm 1974, chết năm 2004; phần mộ ông Lê Xuân C6, sinh năm 1947, chết năm 2010; phần mộ ông Lê Văn T19, sinh năm 1921, chết năm 1997; gia đình bà Hoàng Thị D, sinh năm 1973, trú tại thôn H, xã B 01 (một) ngôi mộ ông Cẩm D4, không xác định được năm sinh, năm chết. Ngoài ra Quá trình xác định hiện trường, Cơ quan điều tra phát hiện thêm 01 (một) ngôi mộ ở sát với ngôi mộ ông Cẩm D4 là phần mộ của bà Triệu Thị N5, sinh năm 1930, chết năm 1995 cũng có dấu vết bị xâm phạm, dấu vết có sự tương đồng với các dấu vết của các ngôi mộ mà Đào Quang Tr xâm phạm, nên Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường ngôi mộ này (phần mộ này cũng của gia đình bà Hoàng Thị D), tuy nhiên Đào Quang Tr không thừa nhận được xâm phạm ngôi mộ này. Đào Quang Tr chỉ thừa nhận được chửi bới, đập phá xâm phạm 33 (ba mươi ba) ngôi mộ trên tổng số 45 (bốn mươi lăm) ngôi mộ mà Cơ quan điều tra hai cấp tiến hành khám nghiệm hiện trường.

Ngày 04/4/2025 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Công văn số 159/CV-VKS-P1 về việc chuyển nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát giải quyết vụ án hình sự theo thẩm quyền, với nội dung Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn chuyển hồ sơ kiểm sát vụ án trên cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn để tiếp tục thụ lý giải quyết.

Quá trình điều tra Đào Quang Tr khai nhận: Vào khoảng 07 giờ ngày 15/02/2025 T2 một mình đem theo một chiếc búa bằng kim loại, cán bằng gỗ và một con dao loại dao tông gắn bao dao đeo trên người, đi bộ từ nhà tại thôn H, xã B đến khu vực đồi C, thuộc thôn H, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, cách nhà khoảng 700m (Bảy trăm mét), đến khu mộ của gia đình bà Lê Thị T3 (trú cùng thôn) Tr dùng búa gỗ vào phần mộ của ông Lê Xuân C6, Lê Mạnh G1, ông Lê Văn T19 nhưng không vỡ bia mộ, mỗi bia gỗ khoảng 02 (hai) đến 03 (ba) lần rồi dùng tay và cán búa gạt đổ 03 bát hương đặt trên các ngôi mộ này. Sau đó Tr tiếp tục đi đến phần mộ chị gái ruột là bà Đào Thị T10, dùng tay nhấc bia mộ lên cắm ngược bia xuống vị trí cũ, tiếp đó Tr đi đến phần mộ ông C7 Mã Sắn dùng búa gỗ vào phần mặt trước mộ 02 (hai) lần và đỉnh mộ 01 (một) lần làm bong tróc phần sơn tại vị trí đã đập. Sau đó Tr đi sang khu vực Sân B, thuộc thôn H, xã B, đến phần mộ bà Triệu Thị S7 đứng trước mộ chửi và dùng búa đập vào viên đá đánh dấu để phía trước mộ làm viên đá bị bong tróc, trầy xước và dùng búa đập vào phần đất bên phải phía chân mộ gây ra 02 (hai) vết lõm; rồi tiếp tục đi đến phần mộ ông Nguyễn Văn T18, dùng búa đập vào đỉnh bia mộ, làm đỉnh bia mộ bị vỡ, bong tróc; rồi tiếp tục đi đến phần mộ ông Hoàng Văn T15 và Hoàng Văn T16 dùng đầu búa đập vào viên đá đánh dấu phía trước hai ngôi mộ, làm hai viên đá bị vỡ; Tr tiếp tục đi đến phần mộ ông Nguyễn Ngọc C4 và bà Lưu Thị Thu N6 bia mộ lên cắm ngược bia xuống vị trí cũ rồi dùng búa gỗ vào đỉnh bia để đóng bia xuống đất, gây ra vết bong tróc ở đỉnh bia mộ; Tr tiếp tục đi đến phần mộ ông Nguyễn Trí B2 và bà Nguyễn Thị T20 nhấc hai bia mộ lên, xoay mặt bia vào bên trong, đảo ngược bia và dùng búa đóng bia xuống đất, rồi đi đến phần mộ bà Nguyễn Thị S5, dùng búa đập xuống phần đất trước mộ và làm viên ngói và bình hoa trước mộ bị vỡ; Tr tiếp tục đi đến phần mộ ông Lục M1 Nắm dùng búa gỗ vào phần bia mộ và đập vào viên gạch để trên đỉnh bia mộ làm viên gạch bị rạn nứt, rồi tiếp tục đi đến phần mộ ông Lục Nắm S8 chửi và dùng búa đập vỡ một miếng đá ốp trước mặt ngôi mộ, sau đó Tr đi về nhà.

Khoảng 12 giờ, ngày 16/02/2025 Tr tiếp tục mang theo con dao và chiếc búa mà Tr sử dụng vào ngày 15/02/2025, từ nhà đi đến khu vực A, thuộc thôn H, xã B, đến phần mộ của ông Voòng L5 (Cắm D4) dùng búa gỗ nhiều lần vào bia đá gắn với thân mộ làm bia bị bong tróc. Sau đó Tr tiếp tục đi đến khu Đ, thuộc thôn H, xã B, đến phần mộ ông Phạm Văn H8 dùng búa đập nát phần ảnh gắn trên bia mộ; Tr tiếp tục đi đến phần mộ ông V1 Mã Lai X dùng búa đập vỡ viên đá đánh dấu đặt trước mộ; Tr tiếp tục đi đến phần mộ ông Đàm Văn H5 chửi và đập vỡ viên đá đánh dấu phía chân mộ; Tr tiếp tục đi đến phần mộ ông Nguyễn Văn C2, dùng búa đập vỡ bia mộ. Sau đó Tr quay về khu vực Sân B, thuộc thôn H, xã B, đến phần mộ ông Trần Văn D3, dùng búa đập vỡ bia mộ; Tr tiếp tục đi đến phần mộ bà Hoàng Thị P2, dùng búa đập vỡ bia mộ, rồi tiếp tục đến phần mộ ông Nông Văn N2 dùng búa đập vỡ bia mộ; Tr tiếp tục đi đến phần mộ bà Đàm Thị T12 dùng búa đập vỡ bia mộ; Tr đi đến phần mộ bố đẻ là ông Đào Như T dùng búa đập vào phần đất ở phía chân mộ, rồi tiếp tục đi đến phần mộ anh trai ruột là ông Đào Văn T9 dùng búa đập vào phần đất phía chân mộ. Sau đó Tr tiếp tục đi đến khu vực K, thuộc thôn H, xã B, đến phần mộ bà Hà Thị H9, Tr chèo lên trên mộ,

dùng búa đập vào viên gạch trên đỉnh mộ làm viên gạch bị rời ra; T2 tiếp tục đi đến phần mộ ông Dương Đức N4 dùng búa đập vỡ viên gạch hoa đặt trước mộ, rồi tiếp tục đi đến phần mộ bà Nguyễn Thị C8 dùng dao đào 02 (hai) lỗ trên mặt mộ, rồi tiếp tục đi đến phần mộ ông Dương Văn G dùng búa đập nhiều lần vào mặt mộ gây nhiều vết lõm, T2 tiếp tục đi đến phần mộ không xác định được tên, tuổi dùng búa đập vào viên đá đánh dấu đặt phía trước mộ gây bong tróc, sau đó T2 đi về nhà cất chiếc búa rồi cầm theo con dao đi vào khu vực L, thuộc thôn H, xã B, đến phần mộ ông Lục Đức T17, dùng dao gõ nhiều lần vào bia mộ và lật đổ bát hương, sau đó T2 đi về nhà.

Đào Quang Tr khai, lý do thực hiện hành vi đập phá mồ mả là do từ năm 2005 bản thân Tr thường nhìn thấy và bị các hồn ma của những người đã chết trong gia đình và trong thôn H, xã B đi theo, quấy nhiễu làm ảnh hưởng đến cuộc sống của T2, đến tháng 02/2025 do không chịu được sự dày vò, quấy nhiễu từ các hồn ma, nên ngày 15, 16/02/2025 T2 đã thực hiện hành vi đập phá các ngôi mộ trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành lấy lời khai bà Chu Thị N (vợ Đào Quang Tr) bà N khai: Bà N với Đào Quang T2 lấy nhau từ năm 1998, đã có với nhau 02 (hai) người con, khi lấy nhau Tr không mắc bệnh gì về tâm thần hoặc bệnh gì ảnh hưởng đến thần kinh. Trong quá trình sinh sống T2 thường xuyên uống rượu nên hay sinh ra ảo giác và thực hiện hành vi đập phá, nói nhảm, nên bà N7 đã bỏ đi làm ăn xa, không hay về nhà.

Ngày 21/02/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ra Quyết định trưng cầu Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc giám định pháp y tâm thần đối với Đào Quang T2.

Tại kết luận giám định số 19/KLGD, ngày 19/3/2025 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc kết luận:

“- Đào Quang Tr, sinh năm 1977, trú tại thôn H, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn bị bệnh: rối loạn loạn thần do sử dụng rượu, bệnh có mã F10.5 (theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 về các rối loạn tâm thần và hành vi);

- Tại thời điểm thực hiện hành vi đập, phá mồ mả, Đào Quang Tr bị bệnh: Rối loạn loạn thần do sử dụng rượu, do hoang tưởng và ảo giác chi phối, Đào Quang T2 mất khả năng nhận thức và mất khả năng điều khiển hành vi;

- Hiện tại (tại thời điểm giám định), Đào Quang Tr bị bệnh: Rối loạn loạn thần do sử dụng rượu, giai đoạn khỏi bệnh. Đào Quang T2 đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi”.

Ngày 23/5/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B yêu cầu Hội đồng định giá thường xuyên cấp tỉnh, tỉnh Bắc Kạn (nay là tỉnh Thái Nguyên) định giá thiệt hại đối với 40 (bốn mươi) ngôi mộ theo kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 18/02/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C. Tại Kết luận định giá tài sản số 802 ngày 17/4/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên cấp tỉnh, tỉnh Bắc Kạn kết luận: Hội đồng thống nhất biểu quyết 100% nhất trí kết quả

định giá tài sản theo yêu cầu số 1028 ngày 25/3/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B, tại thời điểm ngày 15,16/02/2025 (I) là 22.612.500đ (Hai mươi hai triệu, sáu trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng).

Ngày 28/3/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B yêu cầu Hội đồng định giá thường xuyên cấp tỉnh, tỉnh Bắc Kạn định giá thiệt hại đối với 05 ngôi mộ theo kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 27/3/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B. Tại Kết luận định giá tài sản số 907 ngày 23/4/2015 của Hội đồng định giá thường xuyên cấp tỉnh, tỉnh Bắc Kạn kết luận: Hội đồng thống nhất 100% nhất trí kết quả định giá tài sản theo yêu cầu số 1311 ngày 28/3/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B, tại thời điểm ngày 15 và 16/02/2025 (trong đó 7/9 thành viên Hội đồng biểu quyết trực tiếp, 02 thành viên biểu quyết bằng văn bản) là 422.500đ (Bốn trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

Phần dân sự: Quá trình điều tra, các bị hại là người đại diện của các gia đình có phần mộ bị xâm phạm có yêu cầu bồi thường: Ông Đàm Văn H, bà Hoàng Thị C, bà Lê Thị T3, ông Phạm Văn T4, ông Nông Văn T5, ông Trần Văn T6, ông Nguyễn Đức H1, bà Lục Thị L2, ông Nguyễn Duy V, ông Chạc Quảng C1, bà Hoàng Thị D, bà Đàm Thị S, bà Hà Thị L3, bà Lê Thị P1, bà Ma Thị Ngọc H3, bà Trung Thị Q, bà Trần Thị Q1 bà Trịnh Thị M, ông Đào Duy L, ông Lâm Quốc K, ông Nguyễn Đức L1, bà Hoàng Thị T8, bà Trần Thị N1, Nguyễn Thị H2 đều yêu cầu bị cáo phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Bị cáo chưa bồi thường được phần nào.

Tại bản cáo trạng số: 11/CT-VKSKV7 ngày 26/08/2025. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Đào Quang Tr về tội: "*Xâm phạm mồ mả*" theo điểm a khoản 2 Điều 319 của Bộ luật hình sự. Điều luật có nội dung:

“1. Người nào đào, phá mồ mả, chiếm đoạt những đồ vật để ở trong mộ, trên mộ hoặc có hành vi khác xâm phạm thi thể, mồ mả, hài cốt, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

... ”.

Tại phiên toà: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đào Quang Tr phạm tội “Xâm phạm mồ mả”.

Về hình phạt chính đề nghị: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 319; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đào Quang Tr từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam

Về trách nhiệm dân sự đề nghị: Áp dụng Điều 48/BLHS, các Điều 584, 585, 586, 589, 592. 596 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại, cụ

thể: Ông Đàm Văn H số tiền 625.000đ; ông Hoàng Văn T21 số tiền 1.245.000đ; bà Hoàng Thị T8 số tiền 517.500đ và bồi thường 2.500.000đ tiền tổn thất tinh thần; bà Hoàng Thị C số tiền 725.000đ và bồi thường 2.500.000đ tiền tổn thất tinh thần; bà Lê Thị T3 số tiền 725.000đ và bồi thường 7.000.000đ tiền tổn thất tinh thần; ông Nông Văn T5 số tiền 1.450.000đ; ông Trần Văn T6 số tiền 1.450.000đ và bồi thường 10.000.000đ tiền tổn thất tinh thần; ông Nguyễn Đức H1 số tiền 1.450.000đ; ông Nguyễn Duy V số tiền 2.510.000đ và bồi thường 8.000.000đ tiền tổn thất tinh thần; ông Chạc Quảng C1 số tiền 480.000đ và bồi thường 2.500.000đ tiền tổn thất tinh thần; bà Hoàng Thị D số tiền 365.000đ; bà Đàm Thị S số tiền 86.250đ; bà Hà Thị L3 số tiền 817.500đ và bồi thường 4.000.000đ tiền tổn thất tinh thần; bà Lê Thị P1 số tiền 4.001.000đ và bồi thường 3.000.000đ tiền tổn thất tinh thần; bà Ma Thị Ngọc H3 số tiền 725.000đ; bà Trung Thị Q số tiền 725.000đ và bồi thường 3.000.000đ tiền tổn thất tinh thần; bà Trần Thị Q1 số tiền 60.000đ và bồi thường 3.000.000đ tiền tổn thất tinh thần; bà Lục Thị L2 số tiền 812.500đ tiền thiệt hại thực tế.

Đối với các bị hại không yêu cầu bồi thường, không đề nghị xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng đề nghị: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc búa cán bằng gỗ dài 21cm (không tính phần đầu búa); đầu búa bằng kim loại, kích thước dài 11,5cm, rộng 4,3cm, ngang 4,6cm, phần rộng nhất của mặt búa 5cm; 01 (một) con dao, loại dao tông bằng kim loại, màu đen, dài 48cm, chuôi dao bằng gỗ dài 10cm; 01 (một) bao dao bằng gỗ, kích thước dài 12cm, rộng 5cm, dày 3cm có buộc kèm dây dù.

Về án phí đề nghị: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa các bị hại: bà Ma Thị Ngọc H3, bà Lục Thị L2, bà Trần thị Q1, ông Nông Văn T5, ông Nguyễn Đức H1, ông Đàm Văn H, ông Phạm Văn T4 vắng mặt và tại đơn xin xét xử vắng mặt đều giữ nguyên yêu cầu đề nghị bị cáo bồi thường thiệt hại như đã trình bày tại cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa các bị hại: ông Nguyễn Duy V, bà Lê Thị T3, ông Trần Văn T6 (người đại diện tham gia phiên tòa là bà Lại Thị T7), ông Chạc Quảng C1, bà Hoàng Thị D, bà Đàm Thị S, bà Hà Thị L3, bà Lê Thị P1, bà Hoàng Thị C, Trung Thị Q, bà Hoàng Thị T8 có mặt – đều yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại thực tế theo quy định của pháp luật. Ngoài ra còn yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền bồi thường tổn thất tinh thần.

Tại phiên tòa các bị hại: bà Trịnh Thị M, ông Nguyễn Đức L1, bà Nguyễn Thị H2, ông Lâm Quốc K, ông Đào Duy L, bà Trần Thị N1 đều vắng mặt, tại đơn xin giải quyết vắng mặt thể hiện các bị hại đều không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Ý kiến của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho các bị hại theo kết luận định giá trong hồ sơ, đối với các yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần bị cáo không nhất trí. Đối với các bị hại không yêu cầu bồi thường bị cáo không có ý kiến gì. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét thấy đảm bảo về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo các quy định chung tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Đào Quang Tr thường xuyên uống rượu, say rượu dẫn đến mắc bệnh rối loạn, loạn thần do rượu gây ra hoang tưởng, ảo giác chi phối về việc thường nhìn thấy và bị các hồn ma của những người đã chết trong gia đình và trong thôn đang sinh sống đi theo, quá nhiều làm ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của bị cáo, nên trong các ngày 15, 16/02/2025, bị cáo Đào Quang Tr đã có hành vi dùng một chiếc búa đầu bằng kim loại, cán bằng gỗ và một con dao tông bằng kim loại và dùng tay đập phá, xâm phạm 45 (bốn mươi lăm) ngôi mộ của nhiều hộ dân sinh sống tại thôn H, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (cũ) ở các khu nghĩa địa tại thôn H, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Nay là thôn H, xã Y, tỉnh Thái Nguyên), gây tổng thiệt hại với số tiền 23.035.000đ (Hai mươi ba triệu không trăm ba mươi năm nghìn đồng).

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Đào Quang Tr bị bệnh: Rối loạn loạn thần do sử dụng rượu, do hoang tưởng và ảo giác chi phối, Đào Quang Tr2 mất khả năng nhận thức và mất khả năng điều khiển hành vi; tại thời điểm giám định, Đào Quang Tr bị bệnh: Rối loạn loạn thần do sử dụng rượu, giai đoạn khỏi bệnh. Bị cáo Đào Quang Tr2 đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi. Tình trạng mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bị cáo khi gây án chỉ là tạm thời, không phải là bệnh tâm thần nội sinh đem lại. Việc rối loạn loạn thần là do bị cáo Tr thường xuyên uống rượu, tự mình làm mất đi khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Đào Quang Tr chỉ thừa nhận được xâm phạm 33 (ba mươi ba) trên tổng số 45 (bốn mươi lăm) ngôi mộ được phát hiện có dấu vết bị xâm phạm. Ngoài ra, không thu thập được chứng cứ trực tiếp chứng minh bị cáo Tr xâm phạm 12 (mười hai) ngôi mộ còn lại. Tuy nhiên căn cứ Kết luận giám định của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc, tại thời điểm thực hiện hành vi đập, phá mồ mả, Đào Quang Tr bị bệnh rối loạn loạn thần do sử dụng rượu, do hoang tưởng và ảo giác chi phối, Đào Quang Tr mất khả năng nhận thức, mất khả năng điều khiển hành vi; Căn cứ vào kết quả xác minh tại UBND xã B (cũ) và các ban ngành, đoàn thể thôn H, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (cũ); căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường, xác định các dấu vết

bị đập phá đều mới, 45 (bốn mươi lăm) ngôi mộ bị xâm phạm đều ở gần nhau theo từng khu vực; căn cứ lời khai của những người đại diện các ngôi mộ, người làm chứng; căn cứ các dấu vết đập phá của 33 (ba mươi ba) ngôi mộ mà Tr thừa nhận với 12 (mười hai) ngôi mộ bị cáo Tr không thừa nhận đều có sự tương đồng với nhau và những mâu thuẫn trong lời khai của bị cáo. Hội đồng xét xử xác định bị cáo Đào Quang Tr không nhớ bản thân đã xâm phạm đến 12 (mười hai) ngôi mộ còn lại. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận: Hành vi đập phá tổng số 45 (bốn mươi lăm) ngôi mộ tại các khu nghĩa địa của thôn H, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Nay là thôn H, xã Y, tỉnh Thái Nguyên) của bị cáo Đào Quang Tr đã gây ảnh hưởng xấu đến hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, do đó đủ yếu tố cấu thành tội “*Xâm phạm mồ mả*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 319 Bộ luật hình sự như Cáo trạng số: 11/CT – VKSKV7 ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên truy tố.

[3] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo được hưởng 01 (một) tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là “*người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”. Bị cáo phải chịu 01 (một) tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự là “*phạm tội 02 lần trở lên*”. Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự do đó xác định bị cáo có nhân thân tốt.

[4] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo Tr thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến vị trí mai táng xác người chết theo phong tục của cộng đồng dân cư, xâm phạm đến nơi an nghỉ cuối cùng của cá nhân người chết và trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, gây bức xúc, hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân, tác động đến tâm lý của số đông người trong phạm vi rộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để đảm bảo giáo dục bị cáo đồng thời để đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung trong cộng đồng dân cư trên địa bàn.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các bị hại, cụ thể như sau:

- Ông Đàm Văn H yêu cầu bị cáo bồi thường về thiệt hại thực tế. Xét thấy yêu cầu của ông H là hợp pháp do đó buộc bị cáo T2 phải bồi thường cho ông H số tiền 625.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo kết luận định giá tài sản;

- Ông Hoàng Văn T21 yêu cầu bị cáo bồi thường về thiệt hại thực tế. Xét thấy yêu cầu của ông T21 là hợp pháp do đó buộc bị cáo T2 phải bồi thường cho ông T21 số tiền 1.245.000đ (Một triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo kết luận định giá tài sản;

- Bà Hoàng Thị T8 yêu cầu bồi thường thiệt hại thực tế và yêu cầu bị cáo phải bồi thường 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tổn thất tinh thần. Xét thấy yêu cầu của bà T8 là hợp pháp do đó buộc bị cáo T2 phải bồi thường cho bà T8 số tiền số tiền 517.500đ (Năm trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng) theo kết luận định giá tài sản và 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tổn thất tinh thần;

- Bà Hoàng Thị C yêu cầu bồi thường thiệt hại thực tế và yêu cầu bị cáo phải bồi thường 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tổn thất tinh thần. Xét thấy yêu cầu của bà C là hợp pháp do đó buộc bị cáo T2 phải bồi thường cho bà C số tiền 725.000đ (Bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo kết luận định giá tài sản và 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tổn thất tinh thần;

- Bà Lê Thị T3 yêu cầu bồi thường thiệt hại thực tế và yêu cầu bị cáo phải bồi thường 7.000.000đ tiền tổn thất tinh thần. Xét thấy yêu cầu của bà T3 là hợp pháp do đó buộc bị cáo T2 phải bồi thường cho bà T3 số tiền số tiền 725.000đ (Bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo kết luận định giá tài sản và 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) tiền tổn thất tinh thần;

- Ông Nông Văn T5 yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại theo quy định. Xét thấy yêu cầu của ông T5 là hợp pháp do đó buộc bị cáo T2 phải bồi thường cho ông T5 số tiền 1.450.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn) theo kết luận định giá tài sản;

- Bà Lại Thị T7 – người đại diện tham gia tố tụng của bị hại là ông Trần Văn T6 yêu cầu bồi thường thiệt hại thực tế và yêu cầu bị cáo phải bồi thường 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền tổn thất tinh thần. Xét thấy yêu cầu của bà T7 là hợp pháp do đó buộc bị cáo T2 phải bồi thường cho ông T6 số tiền số tiền 1.450.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn) theo kết luận định giá tài sản và 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền tổn thất tinh thần;

- Ông Nguyễn Đức H1 yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại theo quy định. Xét thấy yêu cầu của ông H1 là hợp pháp do đó buộc bị cáo T2 phải bồi thường cho ông H1 số tiền 1.450.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo kết luận định giá tài sản;

- Ông Nguyễn Duy V yêu cầu bồi thường thiệt hại thực tế và yêu cầu bị cáo phải bồi thường 8.000.000đ (Tám triệu đồng) tiền tổn thất tinh thần. Xét thấy yêu cầu của ông V là hợp pháp do đó buộc bị cáo T2 phải bồi thường cho ông V số tiền số tiền 2.510.000đ (Hai triệu năm trăm mười nghìn đồng) theo kết luận định giá tài sản và 8.000.000đ (Tám triệu đồng) tiền tổn thất tinh thần;

- Ông Chạc Quảng C1 yêu cầu bồi thường thiệt hại thực tế và yêu cầu bị cáo phải bồi thường 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tổn thất tinh thần. Xét thấy yêu cầu của ông C1 là hợp pháp do đó buộc bị cáo T2 phải bồi thường cho ông C1 số tiền số tiền 480.000đ (Bốn trăm tám mươi nghìn đồng) theo kết luận định giá tài sản và 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tổn thất tinh thần;

- Bà Hoàng Thị D yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại thực tế. Xét thấy yêu cầu của bà D là hợp pháp do đó buộc bị cáo T2 phải bồi thường cho bà D số tiền 365.000đ (Ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo kết luận định giá tài sản;

- Bà Đàm Thị S yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại thực tế. Xét thấy yêu cầu của bà S là hợp pháp do đó buộc bị cáo T2 phải bồi thường cho bà S số tiền 86.250đ (Tám mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo kết luận định giá tài sản;

- Bà Hà Thị L3 yêu cầu bồi thường thiệt hại thực tế và yêu cầu bị cáo phải bồi thường 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tiền tổn thất tinh thần. Xét thấy yêu cầu của bà L3 là hợp pháp do đó buộc bị cáo T2 phải bồi thường cho bà L3 số tiền số tiền 817.500đ (Tám trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng) theo kết luận định giá tài sản và 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tiền tổn thất tinh thần;

- Bà Lê Thị P1 yêu cầu bồi thường thiệt hại thực tế và yêu cầu bị cáo phải bồi thường 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền tổn thất tinh thần. Xét thấy yêu cầu của bà P1 là hợp pháp do đó buộc bị cáo T2 phải bồi thường cho bà P1 số tiền số tiền 4.001.000đ (Bốn triệu không trăm không một nghìn đồng) theo kết luận định giá tài sản và 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền tổn thất tinh thần;

- Bà Ma Thị Ngọc H3 yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại thực tế. Xét thấy yêu cầu của bà H3 là hợp pháp do đó buộc bị cáo T2 phải bồi thường cho bà H3 số tiền 725.000đ (Bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo kết luận định giá tài sản;

- Bà Trung Thị Q yêu cầu bồi thường thiệt hại thực tế và yêu cầu bị cáo phải bồi thường 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền tổn thất tinh thần. Xét thấy yêu cầu của bà Q là hợp pháp do đó buộc bị cáo T2 phải bồi thường cho bà Q số tiền số tiền 725.000đ (Bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo kết luận định giá tài sản và 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền tổn thất tinh thần;

- Bà Lục Thị L2 yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại thực tế. Xét thấy yêu cầu của bà L2 là hợp pháp do đó buộc bị cáo T2 phải bồi thường cho bà L2 số tiền 812.500đ (Tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) theo kết luận định giá tài sản;

- Bà Trần Thị Q1 yêu cầu bồi thường thiệt hại thực tế và yêu cầu bị cáo phải bồi thường 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền tổn thất tinh thần. Xét thấy yêu cầu của bà Q1 là hợp pháp do đó buộc bị cáo T2 phải bồi thường cho bà Q1 số tiền số tiền 60.000đ (Sáu mươi nghìn đồng) theo kết luận định giá tài sản và 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền tổn thất tinh thần.

Tổng số tiền mà bị cáo phải bồi thường cho các bị hại là 64.269.750 (Sáu mươi tư triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Đối với các bị hại bà Trịnh Thị M, ông Nguyễn Đức L1, bà Nguyễn Thị H2, ông Lâm Quốc K, ông Đào Duy L, bà Trần Thị N1 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại – do đó HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) chiếc búa cán bằng gỗ dài 21cm (không tính phần đầu búa); đầu búa bằng kim loại, kích thước dài 11,5cm, rộng 4,3cm, ngang 4,6cm, phần rộng nhất của mặt búa 5cm; 01 (một) con dao, loại dao tông bằng kim loại, màu đen, dài 48cm, chuôi dao bằng gỗ dài 10cm; 01 (một) bao dao bằng gỗ, kích thước dày 12cm, rộng 5cm, dày 3cm có buộc kèm dây dù đều là tài sản riêng của bị cáo - xác định là công cụ dùng vào việc phạm tội và không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án. Bị cáo phải chịu toàn bộ án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng điều luật, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, mức hình phạt chính, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Đào Quang Tr phạm tội " Xâm phạm mồ mả".

[2]. Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 319; Điều 38; Điểm s khoản 1, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đào Quang Tr 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 20/3/2025).

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589; Điều 592; Điều 596 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Đào Quang Tr phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 64.269.750 (Sáu mươi tư triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng), cụ thể như sau:

- Bồi thường cho Ông Đàm Văn H số tiền 625.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng);

- Bồi thường cho ông Hoàng Văn T21 số tiền 1.245.000đ (Một triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng);

- Bồi thường cho bà Hoàng Thị T8 số tiền 3.017.500đ (Ba triệu không trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng);

- Bồi thường cho bà Hoàng Thị C số tiền 3.225.000đ (Ba triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng);

- Bồi thường cho bà Lê Thị T3 số tiền 7.725.000đ (Bảy triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng);

- Bồi thường cho ông Nông Văn T5 số tiền 1.450.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng);
- Bồi thường cho ông Trần Văn T6 số tiền 11.450.000đ (Mười một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng);
- Bồi thường cho ông Nguyễn Đức H1 số tiền 1.450.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng);
- Bồi thường cho ông Nguyễn Duy V số tiền 10.510.000đ (Mười triệu năm trăm mười nghìn đồng);
- Bồi thường cho ông Chạc Quảng C1 số tiền 2.980.000đ (Hai triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng);
- Bồi thường cho bà Hoàng Thị D số tiền 365.000đ (Ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng);
- Bồi thường cho bà Đàm Thị S số tiền 86.250đ (Tám mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng);
- Bồi thường cho bà Hà Thị L3 số tiền 4.817.500đ (Bốn triệu tám trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng);
- Bồi thường cho bà Lê Thị P1 số tiền 7.001.000đ (Bảy triệu không trăm không một nghìn đồng);
- Bồi thường cho bà Ma Thị Ngọc H3 số tiền 725.000đ (Bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng);
- Bồi thường cho bà Trung Thị Q số tiền số tiền 3.725.000đ (Ba triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng);
- Bồi thường cho bà Lục Thị L2 số tiền 812.500đ (Tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng);
- Bồi thường cho bà Trần Thị Q1 số tiền 3.060.000đ (Ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

“Điều 357 có nội dung: - Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.”

“Điều 468 có nội dung:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”

[4]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc búa cán bằng gỗ dài 21cm (không tính phần đầu búa); đầu búa bằng kim loại, kích thước dài 11,5cm, rộng 4,3cm, ngang 4,6cm, phần rộng nhất của mặt búa 5cm; 01 (một) con dao, loại dao tông bằng kim loại, màu đen, dài 48cm, chuôi dao bằng gỗ dài 10cm; 01 (một) bao dao bằng gỗ, kích thước dày 12cm, rộng 5cm, dày 3cm có buộc kèm dây dù.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh T và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Thái Nguyên)

[5]. Án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 3.213.488đ (Ba triệu hai trăm mười ba nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng).

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

[6]. Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, các bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND kv7 – Thái Nguyên;
- Phòng HSNV – CA tỉnh TN;
- Phòng THAHS - CA tỉnh TN;
- THADS tỉnh TN (khi án có hiệu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

lực);

- Người tham gia tt;

- Lưu hồ sơ.

Hoàng Ngọc Anh

